

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội
(Kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết)

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Điều 10 Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định: Điều 10. Cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm 1. Mức cho vay a) Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng.	Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau: Điều 10. Cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm 1. Mức cho vay a) Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh) và người lao động. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.	- Khoản 3 Điều 8 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 về chính sách hỗ trợ tạo việc làm quy định: “3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương và nhu cầu giải quyết việc làm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bố trí vốn từ ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay giải quyết việc làm. - Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định: “Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn. ... 3. Lãi suất cho vay a) Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo. b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng lãi suất vay vốn bằng 50% lãi suất theo quy định tại điểm a khoản này. c) Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, người lao động là người khuyết tật, người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp	Đối với người lao động, mức vay tối đa là 300 triệu đồng. Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn. ... 3. Lãi suất vay vốn a) Lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. c) Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ,	<i>hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.”</i> - Khoản 1, 2, 3 Điều 5 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Điều 5. Mức vay</i> <i>1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.</i> <i>2. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 200 triệu đồng.</i> <i>3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cho vay tối đa cao hơn mức vay quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội.”</i> - Điều 5 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định: <i>“Điều 7. Lãi suất vay vốn</i> <i>1. Đối với đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật số 74/2025/QH15, lãi suất vay vốn</i>

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng lãi suất vay vốn bằng 50% lãi suất theo quy định tại điểm a khoản này. d) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.	người lao động là người khuyết tật, người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. d) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi vay vốn.	bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. 2. Đối với đối tượng vay vốn quy định tại khoản 3, khoản 8 Điều 9 Luật số 74/2025/QH15, lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. 3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”